

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-PT

Ngày 12 - 6 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Phi Yến

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự Sinh

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Hồng Thắng, Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 27/2019/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2019/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 02 năm 2020; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 33/TB-TA ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/QĐ-PT ngày 19 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Ngô Bích N, sinh năm 1989; Địa chỉ: 19/20A đường Đ, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Viết H, sinh năm 1989; Địa chỉ: 103/2 đường H, tổ 7, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hoàng Ngô Bích N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Viết H xây dựng gia đình vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ ông H tại tổ 7, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã. Hơn nữa cuộc sống với gia đình nhà chồng không hòa hợp nên xảy ra xô xát. Từ tháng 7 năm 2019 đến nay bà dẫn con về nhà cha mẹ bà sinh sống. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có một con chung Lê Hoàng P, sinh ngày 20/5/2014. Ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5 triệu đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Lê Viết H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như bà Hoàng Ngô Bích N trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ ông tại tổ 7, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông thường xuyên đi làm về trễ dẫn đến vợ chồng bất đồng cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng được hai bên gia đình hòa giải khuyên can. Từ tháng 7 năm 2019 bà N dẫn con về cha mẹ ruột của mình sinh sống. Bản thân ông biết mình cư xử không đúng với vợ con nên ông đã cố gắng để vợ chồng trở về với nhau. Nay bà N yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý, ông mong muốn Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông đoàn tụ.

Về con chung: Ông và bà N có một con chung Lê Hoàng P, sinh ngày 20/5/2014. Nếu phải ly hôn, ông đồng ý giao con cho bà N nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5 triệu đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Với nội dung trên, án sơ thẩm đã quyết định:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Ngô Bích N về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với ông Lê Viết H.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Hoàng Ngô Bích N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0005059 ngày 23/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra bản án còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/11/2019 nguyên đơn bà Hoàng Ngô Bích N nộp Đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Viết H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án; sau khi thảo luận và nghị án; Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự nhưng ông Lê Viết H đã vắng mặt lần thứ 3 tại phiên tòa nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt ông H.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Hoàng Ngô Bích N thì thấy:

[2] Sau thời gian tìm hiểu, bà Hoàng Ngô Bích N và ông Lê Viết H tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 21/6/2013 tại Ủy ban nhân dân phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Ngô Bích N và ông Lê Viết H được pháp luật công nhận là hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, bà N và ông H chung sống với nhau tại nhà của cha mẹ ông H tại tổ 7, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một con chung thì đến tháng 4 năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Theo bà N, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống giữa bà với gia đình nhà chồng không hòa hợp hay xảy ra cãi vã, xô xát; ngoài ra ông H có quan hệ ngoại tình với người khác nên vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, do đó bà yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được ly hôn ông H. Đối với ông H thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do ông thường xuyên đi làm về trễ nên vợ chồng hay cãi vã, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng là không đáng kể nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông đoàn tụ.

[4] HĐXX xét thấy, trên thực tế mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã xảy ra và cả hai đã không chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Mặt khác, quá trình hòa giải ở Tòa án cấp sơ thẩm mặc dù ông Lê

Viết H có yêu cầu được đoàn tụ nhưng khi Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập ông H nhiều lần để xét xử thì ông H đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ ông H không có thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, bà N xác định không còn tình cảm với ông H và cương quyết xin ly hôn ông H, HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc bà N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết cho bà được ly hôn ông H là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà N, sửa án sơ thẩm, quyết định cho bà N được ly hôn ông H.

[5] Về con chung: Bà N và ông H có một con chung Lê Hoàng P, sinh ngày 20/5/2014. Tại Tòa án cấp sơ thẩm bà N có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5 triệu đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà N chỉ yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3 triệu đồng kể từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi của con, cháu P hiện nay mới hơn 6 tuổi, cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ, hơn nữa hiện cháu đang được bà N nuôi dưỡng tốt; mặt khác tại phiên hòa giải ở Tòa án cấp sơ thẩm, ông H có ý kiến nếu phải ly hôn thì ông H đồng ý giao con cho bà N nuôi dưỡng và ông có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5 triệu đồng. Như vậy, việc bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Hoàng P và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3 triệu đồng kể từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Ngô Bích N, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bà N được ly hôn ông H; giao con Lê Hoàng P, sinh ngày 20/5/2014 cho bà N nuôi dưỡng, buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3 triệu đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. HĐXX xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí về chấp nhận yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016; ông H phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên bà Hoàng Ngô Bích N không chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Ngô Bích N.

II. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 39/2019/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận T.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn, nuôi con của bà Hoàng Ngô Bích N đối với ông Lê Viết H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Ngô Bích N được ly hôn ông Lê Viết H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Lê Hoàng P, sinh ngày 20/5/2014 cho bà Hoàng Ngô Bích N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Viết H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3 (ba) triệu đồng kể từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Lê Viết H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn bà Hoàng Ngô Bích N phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0005059 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con ông Lê Viết H phải chịu là 300.000 đồng.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Ngô Bích N không chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Hoàng Ngô Bích N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005238 ngày 20/11/2019 của Chi cục Thi hành án quận T, thành phố Đà Nẵng.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND Phường V;
- VKSND TP ĐN;
- TAND Quận T;
- Chi cục THADS Quận T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Phi Yến